

Thứ sáu, ngày 15 tháng 12 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm phiên thứ 3 liên tiếp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/12/2023		•	
Tuần 20/11-24/11/2023		•	
Tháng 12/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index lùi xuống giao dịch quanh ngưỡng 1,105 trong ngày hôm nay. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,102.30 điểm, giảm gần 8 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Du lịch và giải trí dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Bán lẻ,... Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông tiếp tục tăng mạnh gần 5%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, nếu VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1,100 thì sẽ lùi tiếp về 1,080 – 1,090.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/12/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-7.83** điểm, đóng cửa **1102.3** điểm. HNX-Index **-0.21** điểm, đóng cửa **227.02** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **NVL (+0.3)**, **ACB (+0.24)**, **VND (+0.11)**, **HCM (+0.09)**, **HDB (+0.07)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.98)**, **MSN (-0.69)**, **VPB (-0.58)**, **GAS (-0.51)**, **VHM (-0.43)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,166** tỷ đồng, tăng **16.58%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,885 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.84 điểm. Thị trường có 162 mã tăng, 87 mã tham chiếu, **338** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1470.58** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-287.7 tỷ)**, **SSI (-178 tỷ)**, **DGC (-137.71 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-24.44** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.91%**. Các mã diễn biến tích cực: **GVR (+0.25%)**, **TCB (+0.16%)**.
- BSC50 **-0.01%**. Các mã diễn biến tích cực: **NVL (+3.68%)**, **DRC (+3.03%)**, **DXG (+2.19%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Truyền thông	4.81%	Xây dựng và Vật liệu	-0.64%
Ô tô và phụ tùng	1.50%	Tài nguyên Cơ bản	-0.81%
Dịch vụ tài chính	0.41%	Ngân hàng	-0.88%
Y tế	0.32%	Bảo hiểm	-0.89%
Viễn thông	0.00%	Điện, nước & xăng	-0.91%
Công nghệ Thông tin	-0.06%	Thực phẩm và đồ	-1.14%
Hàng & Dịch vụ Công	-0.13%	Bán lẻ	-1.15%
Dầu khí	-0.30%	Du lịch và Giải trí	-1.36%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.41%	VNSML	0.03%
Bất động sản	-0.47%	VNMID	-0.28%
Hóa chất	-0.51%	VN30	-0.64%

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX 1102.30

Giá trị: 14166.41 tỷ -7.83 (-0.71%)

Khối ngoại (ròng): -1470.58 tỷ

HNX-INDEX 227.02

Giá trị: 1534.31 tỷ -0.21 (-0.09%)

Khối ngoại (ròng): -24.44 tỷ

UPCOM-INDEX 85.05

Giá trị: 333.16 tỷ -0.17 (-0.2%)

Khối ngoại (ròng): -3.56 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	76.8	3.40%
Giá vàng	2,036	0.40%
Tỷ giá USD/VND	24,260	-0.09%
Tỷ giá EUR/VND	26,431	0.03%
Tỷ giá JPY/VND	171.27	0.69%
LS liên NH 1 tháng	1.06%	
LS TPCP 5 năm	1.62%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	115.44	HPG	-287.70
VND	111.31	SSI	-178.00
NKG	14.51	DGC	-137.71
NLG	12.58	VCB	-134.71
CMG	11.71	FUEVFNVD	-104.97

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 15/12/2023

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	71.62	3.10%	3.30%	-6.70%	-5.90%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	76.80	3.40%	3.70%	-5.30%	-5.60%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.13	5.00%	6.20%	-2.50%	-2.50%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.42	3.70%	-6.30%	-28.00%	-58.40%		
TTF Gas	EUR/MWh	34.85	-2.70%	-12.80%	-25.90%	-74.10%		
Vàng	Ounce	2,036.12	0.40%	0.40%	3.90%	14.60%		PNJ
Bạc	Ounce	24.17	1.80%	1.60%	3.20%	4.90%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,312.75	0.40%	0.10%	-5.20%	-11.10%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.20	-0.10%	-0.40%	-5.30%	-21.10%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	143.90	0.90%	1.20%	-3.40%	5.50%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	22.18	1.00%	-3.70%	-18.30%	11.00%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	342.50	0.00%	-2.10%	-12.70%	-37.70%		DPM, DCM
Niken	LB	16,243.00	-0.30%	1.40%	-5.80%	-42.30%		PC1
Đồng	LB	3.87	2.30%	2.30%	4.10%	2.90%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,800.00	0.00%	1.50%	33.30%	6.10%		CSV
Thép	CNY/ton	3,957.00	-0.40%	0.30%	0.90%	-0.80%		HPG
Nhôm	Ton	2,212.00	3.40%	3.70%	-0.90%	-7.20%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 14/12 dầu thô Brent tăng 2.35 USD hay 3.2% lên 76.61 USD/thùng. Dầu WTI tăng 2.11 USD hay 3% lên 71.58 USD/thùng.
- Giá dầu tăng 3%, tiếp tục tăng từ phiên trước, bởi USD yếu hơn và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) nâng dự báo nhu cầu dầu trong năm tới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.4% lên 2,034.31 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 2/2024 đóng cửa tăng 2.4% lên 2,044.90 USD/ounce.
- Giá vàng chạm mức cao nhất trong 10 ngày do USD và lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ giảm sau khi Fed báo hiệu kết thúc chu kỳ chính sách tiền tệ thắt chặt.

Quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2024 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm 1.05% xuống 942 CNY (132 USD)/tấn.
- Giá quặng sắt của Trung Quốc tiếp tục giảm do nước này thiếu các biện pháp kích thích mới và số liệu cho thấy hoạt động cho vay của ngân hàng yếu hơn dự kiến trong tháng trước.

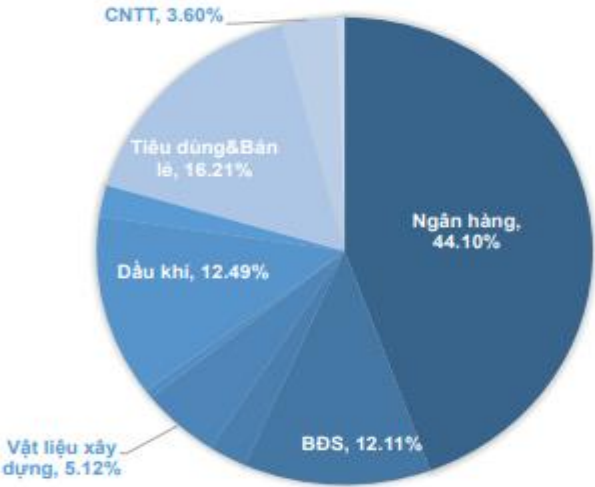
Giá hàng hóa khác

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 đóng cửa tăng 0.21 US cent hay 2.5% lên 22.18 US cent/lb sau khi giảm xuống mức thấp nhất kể từ cuối tháng 3 tại 21.16 US cent. Sản lượng mạnh hơn dự kiến tại Brazil cộng với chính sách ethanol của Ấn Độ vào tuần trước sẽ thúc đẩy nguồn cung đường trong nước, tiếp tục gây áp lực cho giá đường.
- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3/2024 đóng cửa tăng 28 USD hay 1% lên 2,797 USD/tấn sau khi lên mức cao nhất kể từ năm 2008 trong ngày 13/12 tại 2,810 USD/tấn,

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	82.2	-2.6%	0.6	18,923	8.6	5,797	14.2	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	41.5	-0.2%	1.0	9,744	1.0	4,025	10.3	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	18.7	-1.6%	1.0	6,111	9.3	1,727	10.8	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	30.6	0.2%	1.2	4,440	2.7	5,059	6.0	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.0	0.0%	1.2	3,876	4.1	3,496	5.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	27.1	0.0%	1.0	2,104	14.4	3,600	7.5	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	19.9	0.3%	1.8	3,279	0.8	714	27.9	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	30.7	-1.0%	1.6	971	8.3	4,368	7.0	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	50.5	-1.4%	1.4	686	5.4	3,969	12.7	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	52.9	-1.1%	1.7	977	1.4	2,651	20.0	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.8	-0.9%	1.4	6,419	38.3	(328)	-81.7	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	39.9	-1.0%	1.3	7,156	11.2	10,341	3.9	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	22.6	-1.3%	1.2	2,110	4.0	1,588	14.2	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	30.4	-1.0%	1.3	999	1.7	1,280	23.7	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	35.7	-0.4%	1.2	566	3.0	1,582	22.6	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	93.3	-1.8%	1.3	1,459	10.2	10,728	8.7	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	32.8	-1.4%	1.0	528	2.1	6,403	5.1	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	31.5	-1.3%	1.4	687	2.8	4,286	7.4	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	76.0	-1.2%	0.7	7,189	2.5	5,567	13.7	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	34.3	-0.1%	1.0	1,795	0.6	2,125	16.1	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	37.5	-0.5%	1.1	738	7.0	1,953	19.2	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.0	-0.7%	1.0	618	3.1	449	60.1	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.2	-0.9%	0.9	1,080	3.2	602	18.6	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	68.1	-0.4%	0.7	5,862	10.5	3,935	17.3	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	63.0	-3.1%	1.6	3,713	10.9	916	68.8	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	40.8	-2.0%	1.4	2,454	15.7	1,069	38.1	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.2	-0.5%	0.7	1,070	2.0	5,503	14.4	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	72.9	-1.1%	0.8	562	2.8	7,080	10.3	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	68.0	-0.3%	0.9	857	2.0	7,470	9.1	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	96.2	0.0%	0.8	5,032	5.8	4,573	21.0	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	26.7	-0.20%	1.0	5,906	4.4	3,664	7.3	1.1	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.8	1.1%	0.9	3,639	5.8	3,722	6.1	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	19.0	0.5%	0.7	2,264	5.7	2,765	6.9	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.7	0.3%	0.9	1,654	1.0	1,410	11.1	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.8	-0.5%	1.2	1,964	1.4	3,534	5.3	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.8	1.6%	2.0	1,094	34.1	467	46.7	1.8	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.0	0.3%	1.1	1,537	2.4	2,697	6.3	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	31.8	-0.6%	1.6	1,964	26.0	1,090	29.2	2.2	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	16.7	-0.9%	1.8	219	3.9	318	52.5	6.7	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.9	0.0%	1.9	0	0.6	445	26.7	1.2	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	62.0	-0.2%	1.3	253	2.5	681	91.0	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.1	0.3%	1.6	256	3.1	919	16.4	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	-0.4%	1.6	94	2.0	482	24.9	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	62.0	-2.7%	0.8	2,643	1.1	418	148.4	3.6	2.7%	1.7%
HUT	KCN	19.5	-0.5%	1.8	717	5.6	56	345.1	4.8	2.0%	1.3%
PHR	KCN	47.3	-0.2%	1.3	264	0.2	6,568	7.2	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	41.9	-0.1%	1.8	207	1.7	1,405	29.8	3.1	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	20.8	-0.7%	1.9	529	7.9	(2,105)	-9.9	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.0	-0.4%	1.4	189	0.3	176	68.5	1.0	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	23.2	2.0%	2.0	252	7.0	(2,655)	-8.8	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	58.0	0.7%	0.5	160	0.1	5,309	10.9	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.7	-1.5%	1.7	81	0.9	1,482	17.3	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BĐS	16.9	3.7%	1.7	1,357	26.8	(295)	-57.2	0.8	3.8%	1.9%
DXG	BĐS	18.6	2.2%	2.2	547	8.7	(317)	-58.9	0.8	18.5%	3.4%
HDC	BĐS	31.9	0.3%	1.6	178	2.5	2,190	14.6	2.3	2.0%	16.9%
DIG	BĐS	25.2	0.4%	2.1	633	19.5	152	165.5	2.0	5.6%	1.1%
IJC	BĐS	14.0	-1.1%	1.6	146	0.9	1,597	8.8	1.0	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.5	0.5%	1.4	0	3.2	1,596	11.6	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	25.3	0.0%	0.7	337	2.6	2,993	8.5	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	31.6	-1.9%	1.3	105	0.2	1,353	23.4	2.0	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.8	3.0%	0.9	116	0.4	1,980	12.0	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	56.7	-0.7%	0.7	954	1.2	6,445	8.8	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	22.2	-0.4%	2.1	780	14.3	384	57.9	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.1	0.0%	0.6	286	0.3	2,560	9.4	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.8	-0.2%	1.4	351	1.5	2,739	10.2	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.4	0.0%	1.6	350	1.0	944	29.0	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.1	0.0%	0.6	184	0.1	636	20.6	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.9	-0.6%	2.2	196	1.6	(79)	-113.6	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	62.8	-0.3%	0.8	3,318	2.2	3,518	17.9	3.3	62.3%	18.7%
QNS	F&B	44.2	-0.2%	0.4	0	0.7	4,965	8.9	2.0	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	100.8	0.8%	0.8	566	0.9	(327)	-308.0	8.6	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	50.7	1.8%	1.6	349	2.1	2,984	17.0	3.8	23.6%	21.9%
DBC	F&B	25.4	1.6%	1.9	253	7.3	551	46.1	1.3	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	26.2	-0.6%	1.5	115	0.4	837	31.3	1.5	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.4	0.0%	0.0	150	2.4	1,225	20.7	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	30.3	-0.8%	1.6	166	1.1	2,162	14.0	1.5	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	29.0	-0.2%	1.0	160	0.5	1,370	21.2	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	35.6	-0.6%	1.5	155	2.1	5,742	6.2	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	87.6	-1.1%	1.0	413	1.0	4,238	20.7	6.1	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	19.6	-1.0%	1.4	92	1.0	2,353	8.3	1.5	21.5%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639